

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 337/2025/DS-PT

Ngày: 29 - 5 - 2025

V/v tranh chấp: “Hợp đồng
góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Giàu.

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu;

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2025/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 874/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Phan Thị Bé S, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp K A, xã P L, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

* **Bị đơn:**

1. Nguyễn Thị H, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp K A, xã P L, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

2. Trịnh Văn Bé T, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp K A, xã P L, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị H.

Bà S và bà H có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 16/10/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Phan Thị Bé S trình bày:*

Do chỗ bà con nên bà Phan Thị Bé S có tham gia 01 dây hụi do bà Nguyễn Thị H làm chủ hụi cụ thể như sau:

Hụi 2.000.000 đồng, khai hụi ngày 10 tháng 3 năm 2023 (âm lịch) dây hụi này có 30 phần, bà Phan Thị Bé S tham gia 01 phần, một tháng khai 01 lần, bà Phan Thị Bé S đã đóng được 14 lần, hụi chưa mãn nhưng tới tháng 5/2024 (âm lịch) không đóng nữa do bế hụi.

Dây hụi này bà Nguyễn Thị H nợ bà Phan Thị Bé S số tiền 27.200.000 đồng.

Tại thời điểm bà Phan Thị Bé S tham gia hụi do bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T làm chủ hụi là phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T, số tiền nợ nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T nên bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Phan Thị Bé S.

Nay bà Phan Thị Bé S yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phan Thị Bé S số tiền hụi là 27.200.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Phan Thị Bé S xin rút lại yêu cầu đòi bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T trả cho bà Phan Thị Bé S số tiền 2.000.000 đồng.

** Tại văn bản xin thay đổi ý kiến ngày 06/12/2024, biên bản hòa giải ngày 16/12/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H thống nhất theo lời trình bày của bà Phan Thị Bé S. Bà Nguyễn Thị H thừa nhận hiện nay bà Nguyễn Thị H có nợ bà Phan Thị Bé S số tiền 27.200.000 đồng. Nhưng bà Nguyễn Thị H xin trả vốn với số tiền 22.400.000 đồng vào ngày 19/11/2025.

Việc bà Nguyễn Thị H chơi hụi ông Trịnh Văn Bé T không biết, bà Nguyễn Thị H không có sử dụng số tiền hụi vào nhu cầu thiết yếu của gia đình, bà Nguyễn Thị H sử dụng số tiền hụi vào mục đích tiêu xài cá nhân và để choàng hụi cho những người không đóng hụi.

** Tại bản tự khai ngày 06/12/2024 bị đơn ông Trịnh Văn Bé T trình bày:*

Ông Trịnh Văn Bé T thống nhất theo lời trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị H ở chung nhà với ông Trịnh Văn Bé T, ông Trịnh Văn Bé T có biết bà Nguyễn Thị H là chủ hụi nhưng việc bà Nguyễn Thị H chơi hụi với ai và bao nhiêu phần hụi ông Trịnh Văn Bé T không biết, ông Trịnh Văn Bé T không có khi nào nhận tiền hụi của bà Phan Thị Bé S. Ông Trịnh Văn Bé T suốt ngày đi làm vườn, đi ruộng nên không biết gì tới hụi của bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T chưa hề sử dụng một đồng nào từ tiền của bà Nguyễn Thị H chơi hụi. Bà Nguyễn Thị H chơi hụi là để tiêu xài cá nhân ông Trịnh Văn

Bé T không hề biết. Nay ông Trịnh Văn Bé T không đồng ý theo yêu cầu của bà Phan Thị Bé S.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2025/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Bé S về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” đối với ông Trịnh Văn Bé T và bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Trịnh Văn Bé T và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phan Thị Bé S số tiền nợ hụi là 27.200.000 đồng, trả 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Bé S đối với yêu cầu: Đòi bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T trả cho bà Phan Thị Bé S số tiền 2.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự, quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định pháp luật.

* Ngày 07 tháng 02 năm 2025, bị đơn Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu chỉ đồng ý trả cho bà Phan Thị Bé S số tiền hụi vốn là 22.400.000 đồng và trả dần mỗi tháng 1.600.000 đồng cho đến khi hết nợ; không chấp nhận trách nhiệm liên đới trả nợ của ông Trịnh Văn Bé T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Lỗi trong việc bề hụi là thuộc về bà H, yêu cầu kháng cáo của bà H là không có cơ sở để chấp nhận, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[I]- Qua lời trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Bà H thừa nhận là chủ hội có bà Bé S tham gia trong 01 dây hội và sau khi hội bể thì còn nợ lại tiền của bà S. Sau khi án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, bà H kháng cáo chỉ đồng ý trả số tiền đúng như số tiền bà S đã bỏ ra để đóng hội, xin trả dần và không chấp nhận ông T liên đới trả nợ.

Xem xét yêu cầu kháng cáo của bà H cho thấy bà H là chủ hội có hưởng huê lợi của các hội viên trong dây hội, các hội viên có tham gia góp hội thì khi hết được phải giao đủ số tiền hội chết cho hội viên, thời gian khi hội bể từ năm 2024 đến nay đã lâu, bà H chỉ đồng ý trả số tiền vốn và trả dần nhưng không được bà S đồng ý và không có cơ sở để xem xét, gây thiệt hại quyền lợi cho bà S. Đối với ông T là chồng của bà H, cùng sống chung nhà, có biết việc bà H chơi hội, giữa bà H với ông T không có thoả thuận nghĩa vụ phát sinh thuộc về cá nhân của bà H, và cho rằng không có liên quan để không liên đới trả nợ là nhằm trốn tránh nghĩa vụ, không phù hợp, không có căn cứ. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà H là không có cơ sở để xem xét.

[II]- Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định

[III]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2025/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 288 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Bé S về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hội” đối với ông Trịnh Văn Bé T và bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phan Thị Bé S số tiền nợ hui là 27.200.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Bé S đối với yêu cầu: Đòi bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T trả cho bà Phan Thị Bé S số tiền 2.000.000 đồng.

Hậu quả đình chỉ theo quy định tố tụng dân sự.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được cản trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003876 ngày 20/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nên xem như thi hành xong về án phí phúc thẩm.

5. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Giàu